TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lăng Văn Phặt

Bà Hoàng Thị Len

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Nông Văn N, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1991 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn V, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L (đã chết năm 2007) và bà Sầm Thị H (đã chết năm 2015); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 04/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định từ ngày 04/01/2018 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Chị Lương Thị T.

Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Đàm Quốc P.

Nơi cư trú: Số nhà 80, đường T, Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Đức H1, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Đinh Thanh T1.

Nơi cư trú: Số nhà 28, khu 2 thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H2.

Nơi cư trú: Số nhà 80, đường T, Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2017 Nông Văn N đi bộ từ nhà đến xưởng gỗ của Hoàng Đức H1 ở tại thôn P, xã D, huyện T thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-020.43, nhãn hiệu HONDA, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, không thấy có người nên nẩy sinh ý định trộm lấy chiếc xe mô tô. Nông Văn N đi vào dắt xe mô tô xuống quốc lộ 3B rồi mở cốp yên xe để kiểm tra thấy 01 áo mưa mầu xanh, 01 áo len cũ và 01 cuộn dây chun mầu đen, nên lấy chiếc áo mưa ra vứt ở cạnh đường rồi điều khiển xe đi ra hướng thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; đi đến địa phận thôn Khuổi Só, xã K thì Nông Văn N vứt nốt chiếc áo len và cuộn dây chun xuống cạnh đường rồi tiếp tục điều khiển xe đi thẳng vào xã Q, huyện T và theo đường tuần tra biên giới đi đến khu vực cửa khẩu Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đi theo đường mòn sang Nà Cháo - Long Châu - Quảng Tây - Trung Quốc, bán chiếc xe mô tô trộm được cho 01 người tên Sinh (Người Trung Quốc) được 1.000 NDT (Một nghìn nhân dân tệ). Bán được xe Nông Văn N quay về cửa khẩu Đức Long đổi sang tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam rồi sử dụng vào việc sinh hoạt cá nhân và mua ma túy để sử dụng hết.

Khoảng 04 giờ ngày 27 tháng 12 năm 2017, Nông Văn N đi bộ vào trong khu vực bến xe T, huyện T để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước cửa nhà bảo vệ Bến xe, Nông Văn N thấy 03 chiếc xe mô tô dựng ở hiên nhà phía trước cửa nhà bảo vệ không có ai trông coi. Nông Văn N đi đến thấy chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA của anh Đàm Quốc P, trú tại khu 4, thị trấn T, huyện T dựng ở phía ngoài, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, Nông Văn N liền lấy trộm chiếc xe mô tô của anh P rồi điều khiển xe đi vào xã Q sau đó theo đường tuần tra biên giới đi đến khu vực cửa khẩu Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng rồi theo đường mòn sang Sláy Cáu - Long Châu - Quảng Tây - Trung Quốc, bán chiếc xe mô tô trộm được của anh P cho người nam giới tên A Cố (Người Trung Quốc) được 800 NDT (Tám trăm nhân dân tệ). Số tiền bán xe Nông Văn N mua chất ma túy hết 300 NDT về sử dụng còn 500 NDT mang về cửa khẩu Đức

Long đổi sang tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam sử dụng cho sinh hoạt cá nhân hết.

Sau khi thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản nói trên do sợ bị phát hiện nên ngày 04/01/2018, Nông Văn N đã tự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số 02/TCKH ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tràng Định kết luận giá trị tài sản:

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12T1-020.43; nhãn hiệu HONDA của vợ chồng Hoàng Đức H1, Lương Thị T giá trị còn lại là: 9.550.000đ.

Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA của anh Đàm Quốc P, giá trị còn lại là: 3.600.000đ.

Ngoài những hành vi phạm tội nêu trên Nông Văn N còn khai nhận thêm: ngày 02/11/2017 Nông Văn N còn cùng Hoàng Văn P, trú tại: Thôn N, xã Q, huyện T trộm cắp 01 chiếc xe mô tô tại địa bàn thôn Nà Giới, xã Đức Long, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng mang sang Nà Cháo - Long Châu - Quảng Tây - Trung Quốc bán được 2.000 NDT (Hai nghìn nhân dân tệ) chia nhau. Vụ việc này đã được Cơ quan điều tra - Công an huyện Thạch An, tỉnh cao Bằng khởi tố để điều tra xử lý ở một vụ án khác.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKSTĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Người bị hại chị Lương Thị T ủy quyền cho anh Hoàng Đức H1 trình bày tại phiên tòa: Ngày 20 tháng 12 năm 2017 anh đem chiếc xe mô tô của vợ là Lương Thị T đi làm tại xưởng bóc gỡ gỗ tại thôn P, xã D, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì bị kẻ trộm đột nhập lấy đi, chiếc xe mô tô có biển kiểm soát: 12T1-020.43 là của chị T mua từ năm 2012 tại Cửa hàng Thanh T1, ở Khu 2, thị trấn T với giá 21.000.000 đồng, đăng ký tên Lương Thị T. Nay đề nghị bị cáo phải bồi thường tiền giá trị chiếc xe mô tô mà bị cáo đã trộm cắp với giá mà Hội đồng định giá tài sản trị giá chiếc xe mô tô 9.550.000đ cho chị T. Ngoài ra anh không còn ý kiến gì thêm.

Người bại hại anh Đàm Quốc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 có đơn xin xử vắng mặt và đơn trình bày: Về tài sản nay anh P và chị H2 xác định bị cáo đã bán xe của anh chị đi và bị cáo cũng không có tài sản có giá trị nên anh P và chị H2 không yêu cầu đề nghị bị cáo bồi thường gì cả. Đề nghị Tòa xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nông Văn N về tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị

cáo Nông Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; tuyên phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; buộc bị cáo Nông Văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho chị Lương Thị T 9.550.000 đồng;

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, truy thu số tiền 3.600.000 đồng của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước, vì đây là số tiền do phạm tội mà có.

Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn N phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn N thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tràng Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, các kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2017 Nông Văn N đi đến xưởng gỗ của Hoàng Đức H1 ở tại P, xã D, huyện T lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12T1-020.43, nhãn hiệu HONDA và khoảng 04 giờ ngày 27 tháng 12 năm 2017, N đi vào trong khu vực bến xe T, huyện T trộm lấy chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA (Không biển kiểm soát) của anh Đàm Quốc P, mang sang Long Châu - Quảng Tây - Trung Quốc bán. Qua định giá: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12T1-020.43, nhãn hiệu HONDA của chị Lương Thị T và anh Hoàng Đức H1 có giá trị còn lại là: 9.550.000đ; chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA của anh Đàm Quốc P có giá trị còn lại là: 3.600.000đ. Do đó đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Văn N phạm tội ‘‘Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015). Nhận thấy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự

năm 2015, chỉ áp dụng khởi tố, điều tra, truy tố xét xử với người thực hiện hành vi phạm tội từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018. Trong vụ án bị cáo Nông Văn N thực hiện hành vi phạm tội, trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 nên áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo và là tương đương với khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố.

[3] Xét về hành vi của bị cáo Nông Văn N, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, đã nẩy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản 02 chiếc xe mô tô tổng giá trị tài sản 13.150.000VNĐ, mục đích đem bán lấy tiền đi mua ma túy sử dụng và tiêu sài, ăn chơi, phục vụ nhu cầu bản thân. Trong thời gian từ ngày 20/12/2017 đến ngày 27/12/2017 bị cáo đã thực hiện liên tục hai lần trộm cắp tài sản của chị Lương Thị T và anh Đàm Quốc P, bị cáo đã thực hiện xong hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Lương Thị T và anh Đàm Quốc P. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự trị an của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, mắc vào tệ nạn xã hội, mục đích phục vụ lợi ích sử dụng ma túy và tiêu sài của bản thân nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn N nghiện chất ma túy, nhân thân xấu (Ngày 04/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt ngày 03 tháng 9 năm 2015; án phí, bồi thường dân sự chấp hành xong tháng 5 năm 2015, nay đã được xóa án tích). Do vậy, lần phạm tội này bị cáo không còn tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nông Văn N có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nông Văn N được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm r, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, 02 tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện xét xử 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội, bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, bồi thường thiệt hại đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt

tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính trừng trị, răn đe và phòng ngừa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nông Văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho chị Lương Thị T 9.550.000 đồng. Đối với tài sản bị mất của anh Đàm Quốc P mà bị cáo trộm cắp, anh Đàm Quốc P có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản; xét thấy việc anh Đàm Quốc P không yêu cầu bị cáo bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên tài sản của anh Đàm Quốc P không yêu cầu bị cáo bồi thường, nhưng cần truy thu số tiền mà bị cáo đã bán tài sản trộm cắp có được theo Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự trị giá 3.600.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, truy thu số tiền 3.600.000 đồng của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, f khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nông Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 477.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; điểm (r, s) khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn N phạm tội ‘‘Trộm cắp tài sản’’, xử phạt bị cáo Nông Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/01/2018.

2. Về bồi thường dân sự:

- Buộc bị cáo Nông Văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho chị Lương Thị T 9.550.000 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Truy thu số tiền 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn N chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 477.500 đồng (Bốn trăm bẩy mươi bẩy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 677.500 đồng (Sáu trăm bẩy mươi bẩy nghìn năm trăm đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- UBND xã K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển